TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 18-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhàn

Bà Hoài Thị Hà Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 08/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ Trụ sở chính: Số 10 P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị L; địa chỉ: Số 10 P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (Văn bản uỷ quyền số số 425/2023/UQ-CNTL.23 ngày 20/02/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quý H; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị N; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày: Giữa

Ngân hàng với anh Nguyễn Quý H có quan hệ bởi các hợp đồng tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.551271120 ngày 27/11/2020 (theo số tài khoản vay 323293429) Ngân hàng cho anh H vay số tiền 120.000.000.000 đồng để tiêu dùng, lãi suất theo thỏa thuận; tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 43659910****4110 ngày 19/6/2020, mở thẻ cho anh H số tiền cấp hạn mức là 50.000.000 đồng để tiêu dùng, lãi suất theo thỏa thuận. Các khoản vay trên không có tài sản bảo đảm nhưng được chị N là vợ anh H cam kết trả thay tối đa là 120.000.000 đồng tiền gốc trong trường hợp ông H không trả được nợ. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ anh H mới trả được một phần nợ gốc và lãi, đến ngày 15/12/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng không thực hiện được. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng số tiền của hai hợp đồng trên tính đến ngày 18/7/2023 là 175.788.508 đồng; cụ thể: Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.551271120 ngày 27/11/2020 tổng dư nợ là 103.467.120 đồng (trong đó gốc là 80.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.096.774 đồng, lãi quá hạn 14.370.346 đồng); tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 43659910****4110 ngày 19/6/2020 tổng dư nợ là 72.321.388 đồng (trong đó gốc là 56.491.559 đồng, lãi là 15. 829. 829 đồng).

Anh Nguyễn Quý H trình bày: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ tín dụng, thế chấp tài sản, thời điểm phát sinh nợ quá hạn, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tiền gốc lãi còn nợ lại như Ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Đồng ý trả nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H phải trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/7/2023 là 175.788.508 đồng. Trường hợp anh H không trả được nợ thì chị N phải có trách nhiệm trả nợ thay tối đa là 120.000.000 đồng tiền gốc như đã cam kết với Ngân hàng. Bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án và án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Anh H, chị N đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai; anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, về toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn phù hợp với tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền của hai hợp đồng trên tính đến ngày 18/7/2023 là 175.788.508 đồng; trong đó: Nợ Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.551271120 ngày 27/11/2020 (theo số tài khoản vay 323293429) là 103.467.120 đồng (nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.096.774 đồng, nợ lãi quá hạn 14.370.346 đồng); nợ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 43659910****4110 ngày 19/6/2020 là 72.321.388 đồng (nợ gốc là 56.491.559 đồng, nợ lãi là 15. 829. 829 đồng) là có căn cứ chấp nhận theo các điều 117, 119, 463 và 466 của BLDS.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ thay: Tại Giấy cam kết bảo lãnh trả nợ ngày 27/11/2020 giữa Ngân hàng với anh H, chị N; chị N đồng ý trả nợ thay anh H trong trường hợp anh H không trả được với mức tối đa là 120.000.000 đồng tiền gốc. Xét cam kết trên là tự nguyện nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 97, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Quý H phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 18/7/2023 là 175.788.508 đồng; trong đó: Nợ Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.551271120 ngày 27/11/2020 (theo số tài khoản vay 323293429) là 103.467.120 đồng bao gồm: Nợ gốc 80.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9.096.774 đồng, nợ lãi quá hạn 14.370.346 đồng; nợ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 43659910****4110 ngày 19/6/2020 là 72.321.388 đồng bao gồm: Nợ gốc 56.491.559 đồng, nợ lãi 15. 829. 829 đồng.

Trường hợp anh Nguyễn Quý H không trả được nợ thì chị Lê Thị N phải có trách nhiệm trả nợ thay với số nợ tối đa là 120.000.000 đồng tiền gốc.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quý H phải nộp 8.789.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 3.890.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 0004530 ngày 11/5/2023.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng